

QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM SỐ 35/2014/DS-GĐT NGÀY 18/8/2014 CỦA HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO VỀ “VỤ ÁN TRANH CHẤP CHIA TÀI SẢN KHI LY HÔN”

(Trích)

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

...

Ngày 18 tháng 8 năm 2014, Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự tranh chấp chia tài sản khi ly hôn giữa:

Nguyên đơn: **Phạm Văn Lợi**, sinh năm 1966; trú tại 106 Đặng Nguyên Cẩn, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Trần Thị Kim Oanh**, sinh năm 1973; trú tại 106 Đặng Nguyên Cẩn, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại 200 xấp Đất, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Thị Mầu, sinh năm 1946;

2. Trần Văn Hưng, sinh năm 1927;

Bà Mầu, ông Hưng cùng trú tại 200 xấp Đất, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Võ Thị Miếu, sinh năm 1950;

4. Nguyễn Doãn Đạt, sinh năm 1950;

Bà Miếu, ông Đạt cùng trú tại 66 Hàn Hải Nguyên, phường 16, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Võ Thị Thuần, sinh năm 1953; trú tại 316 Hàn Hải Nguyên, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Xây dựng Bảo Thắng (Công ty Bảo Thắng) do ông Châu Văn Phe giám đốc đại diện; địa chỉ 56 C Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Lê Văn Thương, sinh năm 1956; trú tại 589 Quốc lộ 1A, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2004 và trong quá trình tố tụng, anh Phạm Văn Lợi trình bày:

Anh chung sống với chị Trần Thị Kim Oanh từ năm 1993, đến ngày 24/5/1997 mới đăng ký kết hôn, có một con chung là cháu Phạm Phú Nghi sinh năm 1995. Thời gian đầu sống chung đã có sự bất đồng với chị Oanh, nhưng do đã có con, nên anh cố gắng chan hòa tình cảm để tiếp tục sống chung. Tình cảm vợ chồng rạn nứt từ năm 2000. Đến tháng 7/2001 thì sống ly thân. Chị Oanh về nhà mẹ đẻ ở, nhưng vẫn thường xuyên về nhà quản lý việc kinh doanh. Đến cuối năm 2002, mâu thuẫn gay gắt, chị Oanh ở hẳn nhà mẹ đẻ. Do không còn tình cảm nên anh xin ly hôn chị Oanh.

Về con chung, hiện anh đang nuôi cháu Nghi nên đề nghị được nuôi con, không yêu cầu chị Oanh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng, cơ bản gồm 3 khối tài sản sau:

Thứ nhất, căn nhà 106 Đặng Nguyên Cẩn, phường 13, quận 6 (hiện bà Võ Thị Thuần là di chị Oanh đứng tên giấy tờ) anh xác định khi cưới xong, vợ chồng sống tại Bến Tre. Năm 1994, vợ chồng lên thành phố Hồ Chí Minh sống nên mua nhà này với giá 105 lượng vàng (anh lợi có 50 lượng vàng, bà Võ Thị Mầu là mẹ chị Oanh cho mượn 55 lượng vàng, sau này trả bà Mầu không nhận vì bà Mầu muốn có phần hùn trong căn nhà này). Do lúc mua, vợ chồng anh không có hộ khẩu ở thành phố Hồ Chí Minh, nên nhờ

bà Võ Thị Thuần đứng tên hợp đồng mua bán và đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, sử dụng đất.

Thứ hai, phần đất diện tích 2.058m² tại số 589 Quốc lộ 1A, phường An Lạc, quận Bình Tân (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Oanh cấp ngày 3/3/1999): Phần đất này do vợ chồng anh mua của bà Nguyễn Thị Phước năm 1998 với giá 180 lượng vàng. Khi mua (ngày 29/12/1998) anh làm “Giấy ủy quyền” cho chị Oanh thay mặt ký hợp đồng nhận chuyển nhượng phần đất này với bà Phước và con bà Phước là anh Trần Anh Tuấn (giấy ủy quyền này có chữ ký của chị Oanh và xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 13, quận 6). Năm 2002, (thời điểm ly thân), chị Oanh bảo anh ký giấy ủy quyền để chị Oanh cho thuê, nhưng sau đó, ngày 09/9/2002, chị Oanh tự ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất sang tên bà Mậu (năm 2004, khi khởi kiện ly hôn anh mới biết phần đất này đã sang tên bà Mậu). Anh kiểm tra hồ sơ thấy “Giấy ủy quyền” ngày 23/9/2002 có nội dung anh ủy quyền cho chị Oanh được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Mậu, chữ ký giấy ủy quyền này đúng là của anh, nhưng có sự gian dối, vì anh chưa từng đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ký giấy ủy quyền này, anh và chị Oanh trú tại phường 13 quận 6, nhưng giấy ủy quyền lại do thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh chứng thực là không đúng thẩm quyền. Trong giấy ủy quyền có ghi số chứng minh nhân dân của bà Mậu là số 024.179.249, nhưng theo xác nhận của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Công an thành phố Hồ Chí Minh, bà Mậu được cấp số chứng minh nhân dân lần đầu tiên là ngày 11/12/2003; như vậy, giấy ủy quyền này có một số nội dung điền vào sau, không phải được lập ngày 23/9/2002. Còn việc có chữ ký của anh là do có lần chị Oanh đưa cho anh một giấy ủy quyền mẫu chưa ghi nội dung và bảo anh ký để làm thủ

tục cho thuê đất ở Bình Chánh nên anh đã ký.

Thứ ba, nền đất ở số 130 khu chợ Phú Lâm, đường Bà Hom, phường 13, quận 6 do vợ chồng anh mua của Công ty Bảo Thắng (theo hợp đồng ngày 22/8/2001) với giá 280 lượng vàng, đã thanh toán 252 lượng vàng, còn 28 lượng vàng chờ làm thủ tục mới thanh toán. Toàn bộ vàng mua đất là của vợ chồng anh. Khi làm giấy tờ, do hướng dẫn của Công ty chỉ một người đứng tên để thuận tiện giao dịch, nên anh để một mình chị Oanh đứng tên giấy tờ. Nhưng khi ly hôn, chị Oanh lại khai là số vàng mua phần đất này là mượn của 2 bà dì là bà Võ Thị Miếu 40 lượng vàng, bà Võ Thị Thuần 80 lượng vàng và vay của bà Mậu 160 lượng vàng (theo giấy vay ngày 14/8/2001) là không đúng sự thật. Anh Lợi cho rằng, việc vay mượn trên là bịa đặt, bởi nếu có vay thì anh phải biết và nếu có thật, thì tại sao chị Oanh không thanh toán ngay cho Công ty Bảo Thắng đợt 1 là 90% giá trị hợp đồng như thỏa thuận, nhưng lại thanh toán đợt 1 làm 3 lần theo phiếu thu các ngày 22/8/2001, 26/9/2001, 31/12/2001.

Về nguồn tiền, vàng để vợ chồng mua các tài sản trên là do anh làm nghề chế tác vàng bán cho các tiệm từ năm 1989 và có thu nhập khá cao. Anh còn kinh doanh dịch vụ cầm đồ từ năm 1994 (nghề này anh không đăng ký kinh doanh nên không đóng thuế). Ngoài ra, anh còn xuất trình nhiều giấy tờ, hợp đồng thể hiện có nhiều hoạt động đầu tư mua bán bất động sản.

Nay, anh yêu cầu được ly hôn chị Oanh, xin được nuôi con và xác định 3 khối tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng đề nghị chia đôi. Nhà đất ở 106 Đặng Nguyễn Cần xin được nhận giá trị, phần đất 2.085m² tại An Lạc có một phần nhà nước thu hồi năm 2004 được đền bù 1.272.000.000 đồng do bà Mậu đã nhận, anh đề nghị chia cả số tiền này, đất còn lại chia hiện vật và không chấp

nhận thanh toán tiền bà Mầu đã bỏ ra để xây dựng nhà xưởng, nền đất ở số 130 khu phố chợ Phú Lâm anh yêu cầu được nhận đất, thanh toán giá trị cho chị Oanh và cả số vàng còn thiếu cho Công ty Bảo Thắng. Anh không chấp nhận trả các khoản vay nợ do chị Oanh đưa ra.

Bị đơn là chị Trần Thị Kim Oanh trình bày:

Nhất trí với trình bày của anh Lợi về quan hệ hôn nhân và con chung. Nay, vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Về con chung, chị xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định tài sản chung của vợ chồng chỉ có tài sản sinh hoạt và dụng cụ chế tác vàng, quây tủ bán vàng (đặt tại nhà 106 Đặng Nguyễn Cẩn). Căn nhà 106 Đặng Nguyễn Cẩn là của bà Võ Thị Thuần (dì ruột chị Oanh) cho vợ chồng ở nhờ từ năm 1994. Quá trình sử dụng, vợ chồng có công sức tu bổ, sửa chữa nhà. Ngoài ra, khi chị về nhà mẹ đẻ (bà Mầu) ở, có để lại số vàng do anh Lợi quản lý khoảng 17 lượng vàng 18K và mấy năm trước đây, ông Nguyễn Văn Cầu là người nhận vàng gia công của vợ chồng chị có thiếu 18 lượng vàng, nên ông Cầu có bán cho 01 phần đất tại Đồng Nai cho vợ chồng chị để trừ nợ, nhưng nhờ anh rể của anh Lợi đứng tên dùm, nhưng chị không tranh chấp các tài sản nói trên.

Đối với phần đất 2.058 m² tại phường An Lạc là của bà Mầu (mẹ chị) mua của bà Phước năm 1998 với giá 180 lượng vàng, chị chỉ đứng tên hộ. Việc nhờ chị đứng tên hộ chị nói miệng, không làm giấy tờ. Lý do chị đứng tên mua là vì bà Mầu với bà Phước có tranh chấp với nhau về đất lồi đi giữa hai nhà, nên bà Mầu không tiện đứng tên mua. Khi giao dịch có nhờ anh Lợi và bà Thuần đứng ra làm thủ tục, chị đứng tên hợp đồng. Tiền mua đất là của bà Mầu bỏ ra, khi thanh toán có anh Lợi và bà Thuần đi cùng. Ngày

9/9/2002, chị đã làm hợp đồng tặng cho sang tên quyền sử dụng đất cho bà Mầu, khi làm thủ tục, anh Lợi biết và ký giấy ủy quyền ngày 23/9/2002 để chị sang tên cho bà Mầu tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, huyện Bình Chánh (nay là phường An Lạc, quận Bình Tân). Sau khi nhận đất, bà Mầu đã san lấp mặt bằng, xây dựng nhà xưởng và hiện nay cho ông Nguyễn Văn Thương thuê, khi nhà nước thu hồi một phần đất, bà Mầu nhận tiền đền bù, nhưng anh Lợi không ý kiến gì. Chị xác định đất này của bà Mầu không phải tài sản chung của vợ chồng.

Đối với nền đất ở số 130 khu chợ Phú Lâm, đường Bà Hom: Năm 2000, chị và anh Lợi có ý định mua, nhưng vợ chồng không có tiền. Sau đó, ngày 14/8/2001, chị mượn của bà Mầu 160 lượng vàng, bà Thuần 80 lượng vàng và bà Miếu 40 lượng vàng để mua nền đất này; giấy vay có bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt, bà Đỗ Thị Bảy là người giúp việc nhà chị ký tên làm chứng. Anh Lợi không ký vào giấy vay tiền, nhưng anh Lợi biết rõ. Chị đứng tên ký hợp đồng với Công ty Bảo Thắng ngày 22/8/2001 và thanh toán 252 lượng vàng thành 3 đợt có phiếu thu. Chị xác định nền nhà này do chị vay tiền để mua chứ không phải tiền của vợ chồng bỏ ra. Nếu xác định nền nhà này là tài sản chung của vợ chồng thì anh Lợi phải có trách nhiệm hoàn trả 1/2 nợ vay cho bà Mầu, bà Thuần, bà Miếu.

Chị không đồng ý với yêu cầu của anh Lợi về chia 03 khối tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mầu, bà Võ Thị Thuần, bà Võ Thị Miếu (có yêu cầu độc lập) trình bày:

Thống nhất với lời khai của chị Oanh về việc cho chị Oanh vay tổng số 280 lượng vàng ngày 14/8/2001 để mua nền đất 130 khu chợ Phú Lâm. Nay, các bà yêu cầu chị Oanh phải trả số vàng trên (bà Mầu 160 lượng vàng + lãi, bà Thuần 80 lượng vàng và tiền lãi, bà Miếu 40 lượng vàng và tiền lãi). Trong trường

hợp xác định nền đất 130 khu chợ Phú Lâm là tài sản chung của anh Lợi, chị Oanh thì các bà yêu cầu anh Lợi, chị Oanh có trách nhiệm trả số vàng trên và tiền lãi.

Đối với căn nhà 106 Đặng Nguyên Cẩn, bà Mậu, bà Thuần xác định là nhà của bà Thuần. Khi anh Lợi, chị Oanh mới lấy nhau chưa có chỗ ở thì bà Thuần cho ở nhờ. Bà Thuần yêu cầu anh Lợi, chị Oanh trả căn nhà này cho bà Thuần.

Đối với phần đất tại 589 Quốc lộ 1A, phường An Lạc: Bà Mậu khai nhờ chị Oanh đứng tên mua như chị Oanh trình bày. Sau khi mua đất, năm 1999, bà Mậu đã san lấp mặt bằng, năm 2005, xây dựng 720m² nhà xưởng. Năm 27/1/2006, nhà nước thu hồi 581m² đất nên đền bù số tiền 1.272.150.000 đồng cho bà. Năm 2009, bà Mậu đã xây dựng tường bao quanh khu đất và ngày 03/3/2010 cho ông Lê Văn Thương thuê thời hạn 3 năm (giá thuê 9.000.000đ/tháng). Bà Mậu có yêu cầu đề nghị công nhận đất 2.050m² tại An Lạc thuộc quyền sử dụng của bà Mậu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Bảo Thắng do ông Châu Văn Phe đại diện trình bày:

Do giữa Công ty và anh Lợi có quen biết từ trước, nên Công ty mới sắp xếp bán cho anh Lợi nền đất 130 khu chợ Phú Lâm. Tháng 8/2001, Công ty mời anh Lợi lên bàn bạc giá và thống nhất giá bán 280 lượng vàng. Khi làm thủ tục, trả tiền đều có mặt cả anh Lợi và chị Oanh. Khi ký hợp đồng, để thuận tiện giao dịch, Công ty chỉ yêu cầu một người đứng tên ký hợp đồng và đã giải thích rõ cho anh Lợi, chị Oanh biết vấn đề này, khi nào làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới ghi tên cả hai vợ chồng. Nay, Công ty đề nghị anh Lợi hoặc chị Oanh thanh toán nốt số vàng 28 lượng vàng để Công ty tiếp tục làm thủ tục sang tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Thương trình bày:

Ông Thương thuê đất của bà Mậu ngày 3/3/2010, sau đó, ông có đầu tư hệ thống điện và nước trị giá khoảng 120.000.000 đồng. Phần giá trị đầu tư ông không tranh chấp trong vụ án này, sau này ai được công nhận quyền sử dụng đất ông sẽ tự thương lượng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2006/LHST ngày 21/8/2006, Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lợi và chị Oanh. Giao anh Lợi nuôi con là cháu Phạm Phú Nghị (sinh ngày 20-3-1995), anh Lợi không yêu cầu chị Oanh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Một số tài sản là đồ dùng gia đình, dụng cụ chế tác vàng và số vàng anh Lợi đang quản lý đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bất động sản:

Xác định nhà 106 Đặng Nguyên Cẩn, phường 13, quận 6 thuộc quyền sở hữu của bà Thuần (theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cấp ngày 16-7-2003). Bà Thuần thanh toán tiền sửa chữa nhà cho anh Lợi theo tỷ lệ là 5.847.800 đồng (chị Oanh không yêu cầu thanh toán tiền sửa chữa nhà).

Xác định nhà đất tại số 589 Quốc lộ 1A, thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh (nay là phường An Lạc, quận Bình Tân) thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà Mậu và ông Hưng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 03-3-1999 và sang tên ngày 06-11-2002).

Xác định nền đất tại số 130 Bà Hom, khu chợ Phú Lâm, chị Oanh và anh Lợi mua của Công ty Bảo Thắng tháng 8-2001, còn nợ chưa thanh toán là 28 lượng vàng. Chị Oanh được sở hữu nền đất trên và thanh toán giá trị cho anh Lợi 103,1 lượng vàng, thanh toán trả Công ty Bảo Thắng 28 lượng vàng.

Về nợ: Chị Oanh có trách nhiệm trả nợ

cho ông Hùng và bà Mầu 94 lượng vàng + lãi là 26,169 lượng vàng, bà Thuần 40 lượng vàng + lãi là 11,136 lượng vàng, ông Đạt, bà Miêu 20 lượng vàng + lãi là 5,568 lượng vàng. Anh Lợi có trách nhiệm trả nợ cho ông Hùng và bà Mầu 66 lượng vàng + lãi là 18,374 lượng vàng, bà Thuần 40 lượng vàng + lãi là 11,136 lượng vàng, ông Đạt và bà Miêu 20 lượng vàng + lãi 5,568 lượng vàng. Ghi nhận bà Mầu và ông Hùng không đòi anh Lợi, chị Oanh 12 lượng vàng đã mượn từ năm 1994-1995.

Ngày 30/8/2006, chị Oanh kháng cáo đề nghị được nuôi con.

Ngày 31/8/2006, anh Lợi kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 31/8/2006, bà Thuần và bà Mầu kháng cáo (bà Thuần không đồng ý thanh toán tiền sửa chữa nhà cho anh Lợi).

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Oanh, bà Thuần và bà Mầu rút đơn kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số 959/2007/DS-PT ngày 27/8/2007, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm:

Buộc chị Oanh phải hoàn trả cho anh Lợi $\frac{1}{2}$ giá trị khu đất tại số 589 Quốc lộ 1A, phường An Lạc, quận Bình Tân là 2.866.500.000 đồng.

Chị Oanh có trách nhiệm trả toàn bộ nợ vay cho bà Mầu và ông Hùng 160 lượng vàng, trả cho bà Thuần 80 lượng vàng, bà Miêu và ông Đạt 40 lượng vàng (giữ nguyên các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm).

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Chị Oanh có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 40/QĐ/KNGĐT-V5 ngày 27/3/2008, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án phúc thẩm nêu trên; đề nghị hủy Bản án phúc thẩm và sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 155/2008/DS-GĐT ngày 16/7/2008, Tòa

Dân sự Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung; giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2010/DS-ST ngày 08/9/2010, Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Xác định tài sản chung vợ chồng anh Lợi, chị Oanh gồm:

- Phần đất tại số 589 Quốc lộ 1A, thị trấn An Lạc, quận Bình Tân có một phần đã giải tỏa lộ giới trị giá giải tỏa là 1.272.150.000 đồng, còn lại 1.638 m².

- Nền đất số 130 khu phố chợ Phú Lâm, phường 13, quận 6.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Lợi về việc xác định căn nhà số 106 Đặng Nguyên Cẩn là tài sản chung vợ chồng anh Lợi, chị Oanh.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Mầu về việc xác định phần đất tại số 589 Quốc lộ 1A thị trấn An Lạc là thuộc quyền sử dụng của bà Mầu. Bà Mầu có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này cho anh Lợi, chị Oanh.

4. Phân chia tài sản chung:

- Đối với phần đất tại 589 Quốc lộ 1A, thị trấn An Lạc: Anh Lợi được sử dụng $\frac{1}{2}$ phía trái từ mặt đường vào (ngang 6m x 36,08m), chị Oanh được sử dụng $\frac{1}{2}$ phần còn lại (có vị trí kích thước kèm theo); Anh Lợi, chị Oanh được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất được cấp.

- Đối với nền đất số 130 khu phố chợ Phú Lâm, phường 13, quận 6: Chị Oanh được quyền sử dụng và phải thanh toán cho Công ty Bảo Thắng 28 lượng vàng, thanh toán cho anh Lợi 126 lượng vàng.

5. Chị Oanh có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ vay, nợ mua bán đất và phân chia tài sản chung vợ chồng cho những người sau đây: Thanh toán cho bà Mầu, ông Hùng

số vàng là 160 lượng vàng; thanh toán cho bà Thuần 80 lượng vàng; thanh toán cho bà Miếu và ông Đạt 40 lượng vàng; thanh toán cho Công ty Bảo Thắng 28 lượng vàng; thanh toán cho anh Lợi 126 lượng vàng (giá trị $\frac{1}{2}$ nền đất số 130 chợ Phú Lâm).

6. Bà Mầu có nghĩa vụ thanh toán cho anh Lợi và chị Oanh số tiền đền bù giải tỏa 581m² đất thuộc phần đất số 589 Quốc lộ 1A, thị trấn An Lạc là 1.272.150.000 đồng, mỗi người $\frac{1}{2}$ là 636.075.000 đồng.

7. Công ty Bảo Thắng cụ thể là ông Châu Văn Phe có nghĩa vụ bàn giao nền đất số 130 khu chợ Phú Lâm cho chị Oanh sau khi nhận đủ 28 lượng vàng.

8. Anh Lợi và các thành viên khác trong gia đình có nghĩa vụ trao trả căn nhà 106 Đặng Nguyên Cẩn cho bà Thuần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

9,10. Giành quyền khởi kiện cho bà Mầu, ông Thương đối với giá trị đã đầu tư trên phần đất số 589 Quốc lộ 1A, thị trấn An Lạc.

11. Ghi nhận việc các bên thống nhất với nhau là, khi nào việc giải quyết tranh chấp phân chia tài sản chung vợ chồng này có bản án có hiệu lực pháp luật, mới tiến hành việc thương lượng giải quyết về việc trao trả mặt bằng tại số 589 Quốc lộ 1A, thị trấn An Lạc.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ do chậm thi hành án.

Ngày 21/9/2010, chị Oanh kháng cáo.

Ngày 21/9/2010, bà Võ Thị Mầu kháng cáo cho rằng, 2.058m² đất tại An Lạc là của bà nhờ con gái đứng tên mua hộ; Nếu xác định đất này của anh Lợi, chị Oanh, thì bà không yêu cầu hoàn trả tiền đồ đất, làm nhà xường trong vụ kiện này. Đối với nền đất 130 chợ Phú Lâm là do bà cho chị Oanh mượn 160 lượng vàng để mua, Tòa sơ thẩm xác định nền đất này là tài sản chung của vợ chồng, nhưng không buộc anh Lợi cùng có nghĩa vụ trả tiền cho bà là không đúng.

Ngày 16/9/2010, bà Thuần, bà Miếu kháng cáo yêu cầu anh Lợi phải có trách nhiệm trả khoản nợ do chị Oanh vay của 2 bà vào ngày 14/8/2001.

Ngày 20/10/2010, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 381/2011/HNPT ngày 04/4/2011, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Chị Trần Thị Kim Oanh và bà Võ Thị Mầu có đơn đề nghị giám đốc thẩm Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 141/QĐ-KNGĐT-V5 ngày 21/10/2011, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2010/DSST ngày 8/9/2010 của Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 293/2012/DS-GĐT ngày 28/6/2012, Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao quyết định giữ nguyên Bản án phúc thẩm số 381/2011/HNPT ngày 04/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Trần Thị Kim Oanh, bà Võ Thị Mầu có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 139/QĐKNGĐT-V5 ngày 21/11/2013, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giám đốc thẩm số 293/2012/DS-GĐT ngày 28/6/2012 nêu trên, hủy Bản án phúc thẩm số 381/2011/HNPT ngày 04/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2010/DSST ngày 8/9/2010 của Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án

cho Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

XÉT THẤY:

Đối với căn nhà 106 Đặng Nguyên Cẩn, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh do bà Võ Thị Thuần (đi chị Trần Thị Kim Oanh) đứng tên chủ sở hữu nhà, chủ sử dụng đất. Bà Thuần, bà Võ Thị Mầu (mẹ chị Oanh), chị Oanh đều xác định căn nhà này của bà Thuần cho chị Oanh và anh Phạm Văn Lợi ở nhờ. Anh Lợi cho rằng, nhà đất này do vợ chồng mua, nhờ bà Thuần đứng tên, nhưng anh Lợi không xuất trình được tài liệu chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Lợi về chia tài sản chung đối với căn nhà này là có căn cứ (Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao không kháng nghị phần giải quyết đối với nhà đất này).

Về phần đất 2.058m² (đã giải tỏa lộ giới, còn lại 1.638m²) tại số 589 Quốc lộ 1A, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh do chị Oanh đứng tên nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Phước năm 1998. Trong quá trình nhận chuyển nhượng đất, anh Lợi đã lập “Giấy ủy quyền” ngày 29/12/1998 cho chị Oanh ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Phước. Ngày 3/3/1999, chị Oanh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này. Bà Mầu và chị Oanh cho rằng, bà Mầu là người bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng đất, nhờ chị Oanh đứng tên hộ, nhưng anh Lợi không thừa nhận; bà Mầu và chị Oanh cũng không xuất trình

được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Chị Oanh cho rằng, ngày 23/9/2002, anh Lợi đã ủy quyền cho chị chuyển nhượng đất tại 589 An Lạc cho bà Mầu, nên chị đã hoàn tất làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà Mầu đứng tên sử dụng hợp pháp. Tuy nhiên, “Giấy ủy quyền” ngày 23/9/2002 có nội dung không rõ ràng, tiêu đề là “Giấy ủy quyền về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, nhưng nội dung lại là “Vợ thay mặt chồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, giấy ủy quyền này không có nội dung anh Lợi ủy quyền cho chị Oanh để tặng cho đất bà Mầu, nhưng sau đó, chị Oanh làm thủ tục tặng cho bà Mầu đất là không hợp pháp. Do đó, Tòa án các cấp xác định phần đất tại 589 Quốc lộ 1A, phường An Lạc, quận Bình Tân được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Lợi với chị Oanh là tài sản chung vợ chồng anh Lợi, chị Oanh và chia mỗi người được ½ là có căn cứ. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị rút Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với nội dung giải quyết liên quan đến phần tài sản này.

Đối với nền đất tại 130 khu chợ Phú Lâm, đường Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh do chị Oanh đứng tên nhận chuyển nhượng của Công ty Bảo Thắng vào năm 2001. Đại diện Công ty Bảo Thắng xác định anh Lợi là người trực tiếp đứng ra giao dịch, thương lượng để nhận chuyển nhượng và khi ký hợp đồng chuyển nhượng thì Công ty hướng dẫn chỉ một mình chị Oanh đứng tên hợp để tiện cho giao dịch. Chị Oanh thừa nhận trong các lần giao dịch với Công ty Bảo Thắng đều do anh Lợi đi cùng. Như vậy, có cơ sở xác định, tài sản nền đất tại 130 khu chợ Phú Lâm là do anh Lợi, chị Oanh tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Tòa án các cấp xác định nền đất tại 130 chợ Phú Lâm nêu trên

là tài sản chung của anh Lợi, chị Oanh để chia mỗi người được $\frac{1}{2}$ là đúng pháp luật.

Chị Oanh cho rằng, toàn bộ nguồn tiền để nhận chuyển nhượng nền đất tại 130 khu chợ Phú Lâm là do chị vay của bà Mậu 160 lượng vàng, của bà Thuận 80 lượng vàng, bà Miếu 40 lượng vàng, tổng là 280 lượng và chị Oanh xuất trình "Hợp đồng vay vàng" ngày 14/8/2001 để chứng minh. Tuy nhiên, hợp đồng vay vàng không có chữ ký của anh Lợi và anh Lợi không thừa nhận các khoản vay này. Theo hợp đồng vay vàng, thì ngày 14/8/2001, chị Oanh đã nhận đủ 280 lượng vàng từ mẹ và hai di, nhưng đến ngày 22/8/2001 (sau 01 tuần) khi ký hợp đồng với Công ty Bảo Thắng, thì chị Oanh chỉ toán toán được 160 lượng vàng (trong khi theo điều khoản thanh toán trong hợp đồng với Công ty Bảo Thắng thì, bên nhận chuyển nhượng phải thanh toán 252 lượng vàng ngay sau khi ký hợp đồng ngày 22/8/2001). Như vậy, nếu căn cứ vào thời điểm vay vàng và thời điểm thanh toán vàng với Công ty Bảo Thắng thì việc chị Oanh cho rằng, đã thanh toán vàng cho Công ty Bảo Thắng bằng nguồn vay này là không phù hợp. Đồng thời, khi ký hợp đồng cũng như cả ba lần thanh toán, anh Lợi đều cùng đi với chị Oanh, nhưng anh Lợi đều khẳng định không vay số vàng này, mà đây là tài sản của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lợi chứng minh việc làm nghề kinh doanh chế tác vàng từ năm 1989 và vợ chồng anh còn kinh doanh dịch vụ cầm đồ từ năm 1994 có mức thu nhập cao. Do vậy, lời khai của anh Lợi về nguồn tiền để mua đất tại 589 Quốc lộ 1A, phường An Lạc, quận Bình Tân và nền đất 130 khu chợ Phú Lâm, đường Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh là của vợ chồng anh Lợi, chị Oanh là có cơ sở. Mặt khác, hai phần đất trên được tạo lập

trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Lợi với chị Oanh theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì anh Lợi không có nghĩa vụ phải chứng minh nguồn thu nhập để tạo lập tài sản chung vợ chồng.

Chị Oanh không xuất trình được chứng cứ, chứng minh việc chị dùng 280 lượng vàng vay của bà Mậu, bà Thuận, bà Miếu ngày 14/8/2001 vào việc chi tiêu sinh hoạt của gia đình, nên không có căn cứ để áp dụng Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình về trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm và cấp giám đốc thẩm xác định các khoản vay của chị Oanh với bà Mậu, bà Thuận, bà Miếu là khoản nợ riêng của chị Oanh và chị Oanh có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Do đó, không có căn cứ để hủy Quyết định giám đốc thẩm số 293/2012/DS-GĐT ngày 28/6/2012 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 381/2011/HNPT ngày 04/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2010/DS-ST ngày 08/9/2010 của Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Bởi các lẽ trên, căn cứ khoản 3 Điều 291, khoản 1 Điều 297 Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận Kháng nghị số 139/QĐKN-GĐT-V5 ngày 21/11/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Giữ nguyên Quyết định giám đốc thẩm số 293/2012/DS-GĐT ngày 28/6/2012 của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao về vụ án tranh chấp chia tài sản khi ly hôn giữa nguyên đơn là anh Phạm Văn Lợi với bị đơn là chị Trần Thị Kim Oanh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. □